

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-02-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Quang Toàn.

Ông Ngô Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh ngày 25/9/2003; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt, có đơn xin vắng).

- *Bị đơn:* Ông Sơn Q, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/8/2024 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L trình bày: Bà và ông S Quã tìm hiểu và tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2021, đã đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 18/11/2022. Vợ chồng có 02 người con chung tên Sơn Q1, sinh ngày 25/4/2022 và Sơn P, sinh ngày 15/01/2024. Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì bắt đầu mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Q ghen tuông dẫn đến thường xuyên cự cãi với nhau và từ khi sinh con thứ hai thì mâu thuẫn càng thêm gay gắt nên bà và ông Q đã sống ly thân, các con sống với bà và đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn.

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Sơn Q.
- Về con chung: Bà yêu cầu nuôi 02 người con chung Sơn Q1, Sơn P và yêu cầu ông Q cấp dưỡng cho con mỗi người là 2.000.000 đồng/tháng.
- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Bị đơn ông Sơn Q vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, thì thấy bà L yêu cầu ly hôn nuôi 02 con chung, ông Q không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L về ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng cho con là 2.000.000 đồng/tháng/người. Về án phí đề nghị xem xét nghĩa vụ chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các vấn đề khác không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà L và ông Q tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa bà L với ông Q không sống chung với nhau. Bà L giữ nguyên yêu cầu ly hôn, ông Q đã được thông báo về việc bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn và không có ý kiến đối với vấn đề hôn nhân của mình đã cho thấy mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà L yêu cầu nuôi 02 người con chung tên Sơn Q1, sinh ngày 25/4/2022 và Sơn P, sinh ngày 15/01/2024. Các con chung của bà L và ông Q còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi và hiện đang sống với bà L, ông Q không có ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử đồng ý yêu cầu của bà L về nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, việc bà L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/người là để đảm bảo quyền lợi của con chung và không vượt quá quy định theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và bị đơn ông Sơn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện T là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết L được ly hôn với ông Sơn Q.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung là Sơn Q1, sinh ngày 25/4/2022 và Sơn P, sinh ngày 15/01/2024 cho bà Nguyễn Thị Tuyết L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc ông Sơn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 người con chung với bà Nguyễn Thị Tuyết L mỗi người là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 17/02/2025 đến khi cháu Q1 và cháu P đủ 18 tuổi. Ông Sơn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án

3. Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Bà Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và ông Sơn Q phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007952 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, bà Nguyễn Thị Tuyết L đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Riêng phần nội dung về cấp dưỡng được thi hành ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã T,
huyện T, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai